

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1595/TTr-SNV ngày 02/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2021. Các quy định trước đây về công tác thi đua, khen thưởng đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban TĐ-KT TW;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Các Ban của Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT;
- VPUB: CVP, các PCVP,
- Phòng HC-TC, TTTH&CB, NC(Năm);
- Lưu: VT, NC(G) *lưu*

226

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *lưu*
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vĩnh

QUY ĐỊNH

Công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nội dung, hình thức thi đua, khen thưởng; trình tự, thời gian lập hồ sơ đề nghị khen thưởng; tôn vinh, tổ chức trao thưởng; quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.
2. Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này thì thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại của tỉnh Tiền Giang.
2. Cụm, Khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.
3. Các tổ chức và cá nhân liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013, Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ, công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Việc xét tặng danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua, đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua và thành tích đạt được của tập thể, cá nhân.
2. Không khen trùng lặp; không lấy một thành tích để làm hồ sơ đề nghị một cấp có thẩm quyền xét khen thưởng nhiều lần; mỗi thành tích, một đối tượng chỉ được một đơn vị đề nghị khen thưởng.
3. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân với thành tích đạt được; khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn, thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức

khen thưởng thấp mới được khen thưởng hình mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu có thành tích, có sáng kiến.

Điều 4. Quy định chung về thi đua, khen thưởng

1. Ngoài những quy định chung tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ, công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những quy định chung sau:

a) Không đề xuất khen thưởng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” quá 03 (ba) lần đối với cá nhân, có nhiều thành tích trong cùng 01 năm do tham gia nhiều chuyên đề thi đua mà Ủy ban nhân dân tỉnh phát động (trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc).

b) Chưa xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ. Chưa xét khen thưởng đối với Thủ trưởng trực tiếp nếu có cấp dưới thuộc đơn vị mình (tập thể và cá nhân) có dấu hiệu sai phạm liên quan đến hoạt động công vụ mà đang trong quá trình xem xét kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

c) Đối với tập thể hoặc cá nhân thuộc các doanh nghiệp, đơn vị khác trong tỉnh có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, hồ sơ đề nghị khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền; đảm bảo phòng cháy, chữa cháy và môi trường (nếu có).

d) Đối với cấp phó người đứng đầu được ủy quyền phụ trách khi người đứng đầu nghỉ bệnh hoặc đi học từ 06 tháng liên tục trở lên trong năm thì thực hiện nguyên tắc khen thưởng như người đứng đầu.

2. Các trường hợp không xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

a) Tập thể, cá nhân không tổ chức hoặc không tham gia phong trào thi đua; tập thể, cá nhân vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên.

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng nộp không đúng thời hạn quy định.

c) Báo cáo thành tích không thể hiện thành tích xuất sắc, tiêu biểu và đầy đủ các nội dung theo quy định.

d) Các tập thể có kết quả đánh giá của tổ chức Đảng, Đoàn thể hoàn thành nhiệm vụ; nội bộ mất đoàn kết.

đ) Đơn vị để xảy ra lãng phí, tham nhũng gây thiệt hại, thất thoát tài sản Nhà nước theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

e) Cơ quan, tổ chức, đơn vị mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ 10 tháng.

g) Tập thể, cá nhân có đơn, thư hoặc văn bản phản ánh của cấp ủy, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội về vi phạm

đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của tỉnh, ngành, địa phương; có hành vi vi phạm pháp luật theo văn bản xác nhận hoặc thông báo của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

h) Các trường hợp không xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật liên quan.

3. Đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến, giải pháp để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng, gồm:

a) Đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng mang lại hiệu quả, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Sáng kiến, giải pháp được cơ quan có thẩm quyền công nhận, được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả cao.

Điều 5. Số lượng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”: Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc doanh nghiệp... xét chọn, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” trong số tập thể (phòng, ban hoặc tương đương) đạt danh hiệu tập thể “Lao động tiên tiến”.

2. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”: Không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến”, trên cơ sở so sánh thành tích giữa cá nhân có cùng chức trách, nhiệm vụ được giao và cân đối tỷ lệ giữa người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

3. Khi đề nghị khen thưởng cấp tỉnh đối với cá nhân có thành tích trong thực hiện chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động phải đảm bảo ít nhất 70% là người lao động trực tiếp.

4. Đối với “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” khen thưởng theo đợt hoặc chuyên đề hoặc sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia; các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải được xác định cụ thể tại kế hoạch phát động phong trào thi đua và kế hoạch sơ kết, tổng kết.

5. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng cho 01 tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu theo quy định tại khoản 1, Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, gồm:

a) Đơn vị tiêu biểu, xuất sắc dẫn đầu Cụm, Khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hàng năm.

b) Đơn vị có thành tích xuất sắc, tiêu biểu dẫn đầu Cụm, Khối thi đua trong phong trào thi đua theo chuyên đề hoặc giai đoạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc phong trào thi đua thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia.

6. Nhân dịp ngày kỷ niệm thành lập ngành, địa phương (tròn chẵn 10 năm, 20 năm, 30 năm, 40 năm...) hoặc tổ chức đại hội nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét việc tặng Bức trường theo quy định tại Điều 22 Quy định này.

7. Đối với đơn vị cơ sở xem xét khen thưởng, khi tính tỷ lệ phần trăm nếu không được một tập thể, một cá nhân thì được tính là một tập thể, một cá nhân để xét khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng. Đối với tỷ lệ có số lẻ, được tính như sau: số lẻ từ 0,5 trở lên được làm tròn là 01 đơn vị hoặc cá nhân.

Điều 6. Hủy, tước, phục hồi danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 78, Điều 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 7. Đăng ký thi đua thường xuyên

1. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương, Cụm, Khối thi đua tổ chức phát động phong trào thi đua thường xuyên, triển khai đăng ký, ký kết giao ước thi đua. Tập thể tham gia thi đua thường xuyên phải đăng ký tên phong trào thi đua, có chỉ tiêu phấn đấu và nội dung, giải pháp thực hiện phù hợp với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương và của Cụm, Khối thi đua.

2. Trưởng các cơ quan, đơn vị và các Cụm, Khối thi đua có trách nhiệm tổng hợp, đăng ký cho các thành viên theo quy định.

3. Văn bản đăng ký tham gia thi đua, kế hoạch tổ chức thực hiện các phong trào thi đua thường xuyên của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) trước ngày 31/3 hàng năm. Riêng các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp gửi trước ngày 30/10 hàng năm.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phát động, chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội cùng cấp để tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội là thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình

a) Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan Nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

b) Phối hợp, thống nhất giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng chất lượng, hiệu quả.

4. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào thi đua; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên cùng cấp trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

5. Các cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng, về các phong trào thi đua yêu nước; cổ động phong trào thi đua, phổ biến, nêu các gương điển hình tiên tiến, gương “Người tốt, việc tốt”, phản ánh đúng kết quả thi đua, công tác khen thưởng; đấu tranh với hành vi vi phạm các nguyên tắc của công tác thi đua, khen thưởng.

6. Gắn vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong quá trình tổ chức, phát động phong trào thi đua, chú trọng công tác chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện và xác định việc phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay là nhiệm vụ trọng tâm, liên tục, thường xuyên.

7. Đối với việc thi đua thực hiện những chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các Cụm, Khối thi đua hàng năm liên quan đến sở, ngành tỉnh thì người đứng đầu sở, ngành tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, xếp hạng các sở, ngành tỉnh, địa phương, doanh nghiệp thực hiện các chỉ tiêu thi đua kinh tế - xã hội.

8. Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh - Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về nội dung tổ chức phát động và chỉ đạo các phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh.

Điều 9. Tổ chức, hoạt động của Cụm, Khối thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, điều chỉnh, bổ sung Cụm, Khối thi đua trên địa bàn tỉnh.

2. Hàng năm, Sở Nội vụ có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, điều chỉnh, bổ sung các Cụm, Khối thi đua đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị trong Cụm, Khối.

3. Hoạt động của Cụm, Khối thi đua

a) Hàng năm, các Cụm, Khối thi đua có trách nhiệm bầu đơn vị Trưởng cụm, Phó Trưởng cụm, Trưởng khối, Phó Trưởng khối thi đua.

Trưởng Cụm, Khối thi đua có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị thành viên xây dựng và ban hành quy chế hoạt động, tổ chức phong trào thi đua của Cụm, Khối thi đua, bảo đảm nền nếp, hiệu quả.

b) Hàng năm, Cụm, Khối thi đua tổ chức phát động thi đua và ký giao ước thi đua ngay từ đầu năm công tác. Sơ kết, tổng kết các hoạt động của Cụm, Khối thi đua; bình xét thi đua và đề nghị khen thưởng cho các tập thể xuất sắc, tiêu biểu.

Các đơn vị tham gia Cụm, Khối thi đua có trách nhiệm động viên, khuyến khích các tập thể, cá nhân trong đơn vị tích cực tham gia các phong trào thi đua và các nội dung cam kết thi đua.

c) Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo công nhận Trưởng cụm, Phó Trưởng cụm, Trưởng khối, Phó Trưởng khối thi đua hàng năm.

Chương II **NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI ĐUA**

Điều 10. Hình thức tổ chức và nội dung thi đua

1. Hình thức tổ chức và nội dung thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 16 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 4, Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và Điều 4, Điều 5 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ.

2. Hàng năm, căn cứ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương phát động phong trào thi đua và xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện với nội dung, hình thức sau:

a) Tổ chức ký kết giao ước thi đua giữa các thành viên thuộc Cụm, Khối thi đua, các phòng, ban và tương đương trong đơn vị.

b) Xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện phong trào làm căn cứ bình xét thi đua giữa các đơn vị thuộc Cụm, Khối thi đua; giữa các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

Điều 11. Đối tượng xét danh hiệu thi đua tập thể

1. Đối tượng đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”:

a) Đối với cấp tỉnh gồm: Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các phòng, ban và tương đương trực thuộc; phòng thuộc Chi cục và tương đương thuộc sở, ngành tỉnh, đoàn thể cấp tỉnh.

b) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng; các tổ, đội.

d) Đối với Trường học, bệnh viện và tương đương, gồm: Các đơn vị trực thuộc như Trung tâm, khoa, phòng.

2. Đối tượng đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua “Đơn vị tiên tiến”, “Đơn vị quyết thắng” thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 12. Đối tượng, tiêu chuẩn xét danh hiệu thi đua “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng hàng năm cho cá nhân xuất sắc, tiêu biểu trong số cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn được quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn được quy định tại khoản 3, Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

Điều 13. Công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học

1. Sáng kiến làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo Điều 6 Thông tư số 12/2019/TT-BNV phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Phạm vi ảnh hưởng: Có khả năng triển khai và áp dụng cho cá nhân, tập thể trong tổ chức, đơn vị; trong ngành, lĩnh vực công tác hoặc rộng rãi cho nhiều ngành, nhiều địa phương và trong tỉnh đạt hiệu quả cao.

b) Có tính mới: Không trùng về nội dung, giải pháp thực hiện sáng kiến đã được công nhận trước đó; lần đầu được áp dụng, chưa được quy định thành những biện pháp thực hiện; chưa được mô tả, giới thiệu qua các phương tiện thông tin; chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

c) Hiệu quả áp dụng: Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực so với khi chưa áp dụng, được định lượng cụ thể, so sánh với cùng kỳ, cùng ngày công lao động, cùng chi phí, cùng điều kiện làm việc và mang lại hiệu quả về kinh tế (tăng năng suất lao động, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm), hiệu quả về xã hội (cải thiện tiền lương, điều kiện sống, điều kiện làm việc, nâng cao an toàn vệ sinh lao động). Đối với sáng kiến đã được

áp dụng, thời hạn thực hiện yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu.

2. Sáng kiến được tạo ra sau quá trình nghiên cứu, sáng tạo hoặc cải tiến giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật

a) Giải pháp kỹ thuật bao gồm các lĩnh vực: Nông nghiệp, công nghiệp - công nghệ, y tế, giáo dục, công nghệ thông tin, thương mại, dịch vụ.

b) Giải pháp quản lý là phương pháp tổ chức quản lý, bao gồm: Bố trí nhân lực, điều hành, sử dụng máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu; điều hành, kiểm tra, giám sát công việc kinh doanh, hành chính, sự nghiệp.

c) Giải pháp tác nghiệp là phương pháp thực hiện thao tác nghiệp vụ trong công việc sản xuất, kinh doanh, công tác quản lý hành chính, sự nghiệp, thực hiện các thủ tục hành chính, phương pháp thẩm định, phương pháp giảng dạy, huấn luyện.

d) Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là giải pháp, cách thức áp dụng có tính sáng tạo kỹ thuật đã được phổ biến vào thực tế công việc tại cơ sở hoặc phạm vi toàn tỉnh phù hợp với thực tiễn và mang lại hiệu quả cao.

3. Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ.

4. Quy trình xét công nhận sáng kiến

a) Thường trực Hội đồng gửi tóm tắt sáng kiến của từng tác giả và gửi tài liệu cho thành viên thẩm định sáng kiến.

b) Thành viên thẩm định sáng kiến nghiên cứu tài liệu, bình chọn sáng kiến.

c) Cấp cơ sở do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cơ sở quy định quy trình xét, công nhận.

5. Công nhận sáng kiến

a) Căn cứ vào kết quả họp Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh, Thường trực Hội đồng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định công nhận sáng kiến.

b) Sáng kiến được công nhận (cấp cơ sở, cấp tỉnh tính trên thang điểm 100) khi đạt tổng số điểm từ 60% điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào dưới 15% điểm.

c) Sáng kiến cấp tỉnh được công nhận hàng năm (02 đợt): 01 đợt sáng kiến lĩnh vực kinh tế - xã hội và 01 đợt sáng kiến ngành giáo dục và đào tạo.

d) Sáng kiến cấp tỉnh được bảo lưu để làm cơ sở xét, công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”.

6. Hội đồng Khoa học, sáng kiến

a) Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, gồm: 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, thành viên gồm những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực liên quan đến nội dung

sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác. Hội đồng có Quy chế hoạt động do Chủ tịch Hội đồng ban hành.

Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 1, 2 Điều 6 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả trong phạm vi tỉnh hoặc toàn quốc để làm cơ sở đề nghị xét, khen thưởng của Chủ tịch nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” theo quy định.

b) Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Khoa học cấp cơ sở (các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh; doanh nghiệp) do Thủ trưởng cơ quan, người đứng đầu đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Giám đốc doanh nghiệp thành lập, thành phần Hội đồng gồm: 01 lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoặc 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc 01 lãnh đạo doanh nghiệp làm Chủ tịch Hội đồng, thành viên gồm những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác; có quy chế hoạt động do Chủ tịch Hội đồng ban hành.

Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Khoa học cấp cơ sở có nhiệm vụ giúp Thủ trưởng cơ quan, người đứng đầu đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc doanh nghiệp đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 1, 2 Điều 6 Thông tư số 12/2019/TT-BNV được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả trong phạm vi cơ sở để quyết định việc công nhận sáng kiến làm căn cứ xét tặng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

7. Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn chi tiết nội dung tại Điều này.

Điều 14. Quy trình bình xét, đánh giá, chấm điểm thi đua

1. Đối với thi đua thường xuyên: Cụm, Khối thi đua bình xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho đơn vị xếp thứ nhất Cụm, Khối thi đua.

2. Đối với chuyên đề thi đua: Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì, theo dõi các chuyên đề thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động thì tổ chức bình xét các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc nhất trong thực hiện các chuyên đề thi đua khi thực hiện sơ kết, tổng kết gửi về cơ quan có thẩm quyền thẩm định nêu tại Điều 19 Quy định này.

3. Đối với bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thành tích hàng năm thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp thì kết thúc năm công tác hoặc năm học, các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp tổ chức bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo các bước sau:

a) Bước 1: Cá nhân và tập thể viết báo cáo thành tích, sáng kiến (*nếu có*); đối chiếu với tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, tự nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

b) Bước 2: Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Khoa học cấp cơ sở tổ chức xét, công nhận sáng kiến trên cơ sở đánh giá tác động, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến.

c) Bước 3: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp tổ chức đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp theo thẩm quyền và ra công nhận xếp loại.

d) Bước 4: Căn cứ kết quả xét, đánh giá phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở tổ chức bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo trình tự: Bình chọn cá nhân trước, tập thể sau; danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau; hình thức thấp, mức khen thấp tiến hành trước; hình thức cao, mức khen cao tiến hành sau.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp quyết định khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định.

4. Việc bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện bằng hình thức giơ tay biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín. Riêng đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Anh hùng lao động”, “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” khi bình xét bắt buộc phải bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Chương III **NỘI DUNG, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

Điều 15. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

“Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho tập thể, cá nhân. Cụ thể:

1. Tập thể, cá nhân, gia đình có thành tích xuất sắc, tiêu biểu theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Đơn vị xếp thứ hai trở đi có thành tích hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chính trị thuộc Cụm, Khối thi đua theo quy định.

3. Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc về hoàn thành các phong trào thi đua thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia và các phong trào thi đua khác do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động.

4. Tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc, đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực, gồm:

a) Có hành động dũng cảm trong cứu hộ, cứu nạn, hành động dũng cảm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo đảm quốc phòng, an ninh; có thành tích, hành động nổi bật hoặc gương việc tốt điển hình trong các lĩnh vực của đời sống xã hội để tuyên truyền, nêu gương trong toàn tỉnh.

b) Có thành tích đặc biệt trong lao động, sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao.

c) Tập thể, cá nhân đạt Huy chương hoặc đạt giải Đặc biệt, Nhất, Nhì, Ba cuộc thi cấp quốc gia, cấp quốc tế, gồm: Học sinh, sinh viên và giáo viên, giảng viên trực tiếp bồi dưỡng học sinh, sinh viên; tập thể, diễn viên, nhạc công đoàn nghệ thuật của tỉnh; cá nhân có tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc tác phẩm báo chí, truyền hình; vận động viên và huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện. Cá nhân có kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông đạt kết quả xếp hạng từ thứ Ba trở lên trên toàn tỉnh.

d) Tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp về vật chất, về xây dựng công trình phúc lợi, công tác từ thiện - xã hội.

đ) Tập thể, cá nhân quy định tại khoản 4, Điều 5 Quy định này.

e) Đối với cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Tỉnh ủy quản lý đã đến tuổi nghỉ hưu để hưởng chế độ mà không đủ điều kiện khen thưởng cấp Nhà nước về thành tích cống hiến, đã chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào công cuộc xây dựng và phát triển của tỉnh.

g) Những trường hợp có thành tích xuất sắc, đột xuất khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Gia đình gương mẫu chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương nơi tiếp nhận đóng góp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các tập thể, cá nhân nêu tại điểm d, Khoản 4 và gia đình nêu tại Khoản 5 Điều này.

6. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” tặng cho cá nhân, tập thể thuộc các đơn vị lực lượng vũ trang và đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong tham gia các phong trào thi đua yêu nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Quy trình khen thưởng

1. Đối với bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thành tích hàng năm, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp thực hiện theo quy trình sau:

a) Bước 1: Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ thi đua khen thưởng tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị theo tuyến trình khen thưởng.

b) Bước 2: Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình người có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

c) Bước 3: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng họp thông qua hồ sơ đề nghị khen thưởng. Cá nhân, tập thể được chọn đề nghị khen thưởng phải có ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ 70% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng. Nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản. Việc bình xét phải được ghi thành biên bản.

d) Bước 4: Căn cứ kết quả xét, đánh giá của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, người có thẩm quyền xem xét, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

2. Khen thưởng thành tích đột xuất đối với các trường hợp tại khoản 4 Điều 16 Quy định này.

a) Căn cứ thành tích đạt được, Sở Nội vụ (*Ban Thi đua - Khen thưởng*) trực tiếp theo dõi và thực hiện các quy trình thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với một trong hai trường hợp gồm: Thông tin phát hiện từ người dân, các phương tiện thông tin đại chúng đã được cấp có thẩm quyền xác thực; thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chính trị đột xuất của tỉnh.

b) Các tập thể, cá nhân không thuộc điểm a, Khoản 2 Điều này, thực hiện theo quy trình sau:

- Bước 1: Căn cứ thành tích đạt được, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ đề nghị khen thưởng, gửi Sở Nội vụ (*Ban Thi đua - Khen thưởng*).

- Bước 2: Sở Nội vụ (*Ban Thi đua - Khen thưởng*) thẩm định, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích đột xuất cho tập thể, cá nhân theo quy định.

3. Khen thưởng thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Cụm, Khối thi đua

a) Bước 1: Các Cụm, Khối thi đua bình xét đơn vị xếp thứ hai trở đi và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chính trị trong Cụm, Khối thi đua đề nghị tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”, gửi hồ sơ về Sở Nội vụ (*Ban Thi đua - Khen thưởng*).

b) Bước 2: Sở Nội vụ (*Ban Thi đua - Khen thưởng*) thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ gửi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, thông qua hồ sơ đề nghị khen thưởng.

c) Bước 3: Căn cứ kết quả xét, đánh giá của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ (*Ban Thi đua - Khen thưởng*) tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích cho tập thể theo quy định.

4. Khen thưởng trong chuyên đề thi đua, sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ tại Chương trình mục tiêu Quốc gia, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thực hiện theo quy trình sau:

a) Bước 1: Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì, theo dõi các chuyên đề thi đua hoặc được giao chủ trì theo Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tổ chức bình xét các tập thể, cá nhân, có thành tích xuất sắc trong

thực hiện các chuyên đề thi đua khi thực hiện sơ kết, tổng kết, gửi hồ sơ về Sở Nội vụ (*qua Ban Thi đua - Khen thưởng*).

b) Bước 2: Sở Nội vụ (*Ban Thi đua - Khen thưởng*) thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ gửi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, thông qua hồ sơ đề nghị khen thưởng.

c) Bước 3: Căn cứ kết quả xét, đánh giá của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ (*Ban Thi đua - Khen thưởng*) tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích cho tập thể, cá nhân theo quy định.

Điều 17. Hiệp y khen thưởng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hiệp y khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho các cơ quan Trung ương và người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ quan cấp tỉnh trực thuộc ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh khi có văn bản đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh quản lý (khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đợt xuất) khi có văn bản đề nghị của bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hiệp y khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh quản lý (Cờ thi đua, Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương) khi có văn bản đề nghị của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương hoặc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh nhưng không thuộc các đối tượng hiệp y của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Nội vụ lấy ý kiến hiệp y đề nghị khen thưởng của các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và các đơn vị có liên quan đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp tỉnh đối với các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và Thủ trưởng của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện, các tập thể, cá nhân có yếu tố nước ngoài và một số trường hợp có liên quan khác (*nếu cần thiết*).

4. Khi có văn bản gửi đến để lấy ý kiến hiệp y, sau 05 ngày làm việc đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc sau 07 ngày làm việc đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (tính theo dấu bưu điện hoặc ký nhận văn bản), cơ quan được lấy ý kiến hiệp y có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến. Quá thời hạn trên, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được xin ý kiến hiệp y không có văn bản trả lời xem như đồng ý.

5. Cơ quan ngoại vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hiệp y khen thưởng đề tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” đối với cá nhân, tập thể nước ngoài theo quy định tại khoản 4, Điều 47 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỜI GIAN LẬP HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Điều 18. Tuyến trình khen thưởng

Thực hiện theo Điều 53 Luật Thi đua, khen thưởng, Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ và theo các nội dung sau:

1. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể: Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

c) Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với: Các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống Công đoàn do Liên đoàn Lao động tỉnh thành lập; Liên đoàn Lao động cấp huyện; Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn viên chức tỉnh, Công đoàn khu công nghiệp; Công đoàn Công ty... thuộc tỉnh; Công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

2. Đối với tuyến trình khen thưởng Đại biểu và cơ quan giúp việc của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp

a) Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; tập thể, cá nhân tại Văn phòng và các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách tại tỉnh do cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

b) Đối với Hội đồng nhân dân cấp huyện: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; tập thể, cá nhân tại các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách tại huyện do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét, khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

c) Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã: Do Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc xem xét trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

d) Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp kiêm nhiệm thì do đơn vị quản lý xét, trình khen thưởng.

3. Đối với các Hội

a) Đối với các Hội tham gia Khôi thi đua thuộc tỉnh: Khôi xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

b) Các hội được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập nhưng không tham gia Khôi thi đua do tỉnh thành lập có phạm vi hoạt động trong tỉnh: Do sở quản lý Nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực đó xét khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

c) Các Hội có phạm vi hoạt động trong cấp huyện, cấp xã: Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

4. Khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo

a) Việc khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các giáo hội cấp tỉnh do cơ quan quản lý Nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh (Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ) chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh; khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các giáo hội huyện, thành phố, thị xã do cơ quan quản lý Nhà nước về tôn giáo cấp huyện (Phòng Nội vụ) chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về tôn giáo, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

5. Khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh cho các tập thể, cá nhân thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo

a) Sở Giáo dục và Đào tạo

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng, đề nghị Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc các trường và cơ sở giáo dục do Sở trực tiếp quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng, đề nghị Nhà nước tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc các trường học, cơ sở giáo dục do địa phương trực tiếp quản lý.

- Xét, trình “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Phòng Nội vụ - Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện.

c) Các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng (*qua Sở Nội vụ - Ban Thi đua - Khen thưởng*).

6. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng dân quân tự vệ thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng.

7. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng công an xã, bảo vệ dân phố thực hiện theo quy định của Bộ Công an.

8. Xét khen thưởng các lực lượng vũ trang theo quy định tại khoản 6, Điều 15 Quy định này: Thủ trưởng đơn vị lực lượng vũ trang lập hồ sơ khen thưởng

theo quy định, gửi Sở Nội vụ (*Ban Thi đua - Khen thưởng*) thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”.

9. Các trường hợp tập thể, cá nhân ngoài ngành, ngoài địa phương, ngoài tỉnh có thành tích hoặc có nhiều đóng góp cho ngành, địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các ngành của tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền hoặc có văn bản nhận xét đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng. Trường hợp có thành tích xuất sắc hoặc đóng góp to lớn thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

10. Cơ quan, đơn vị, địa phương được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì phát động thi đua theo chuyên đề (theo đợt) có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, đối tượng khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề (theo đợt) phải được xét chọn trong số tập thể, cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, có thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương học tập trên địa bàn tỉnh. Các tập thể, cá nhân thuộc cấp huyện quản lý phải có văn bản thống nhất đề nghị khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi đề nghị khen thưởng.

11. Trường hợp khen thưởng đột xuất, gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm,... trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và chọn tiêu biểu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng (không phân biệt tập thể, cá nhân đó trong hay ngoài địa phương, đơn vị).

12. Đối với các tổ chức kinh tế

Đơn vị, doanh nghiệp không thuộc Khối thi đua doanh nghiệp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, thực hiện việc khen thưởng và trình khen thưởng như sau:

a) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc được Chính phủ giao quản lý hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc Khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập: Doanh nghiệp lập hồ sơ theo quy định, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng (*qua Sở Nội vụ - Ban Thi đua - Khen thưởng*).

b) Đối với doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã hoạt động theo quy định Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã không thuộc đối tượng tại điểm a, Khoản 13 Điều này: Doanh nghiệp lập hồ sơ theo quy định, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt trụ sở chính để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng.

13. Đối với công nhân và nông dân

a) Đối với công nhân

- Công nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh do Liên đoàn Lao động cùng cấp khen thưởng hoặc tổng hợp, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

- Công nhân thuộc các tổ chức kinh tế trên địa bàn tỉnh có thành tích tiêu biểu xuất sắc, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, tuyển trình khen thưởng thực hiện như quy định tại khoản 12 Điều này.

b) Đối với nông dân

- Nông dân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi” trên địa bàn tỉnh do Hội Nông dân tỉnh khen thưởng hoặc tổng hợp, đề nghị khen thưởng.

- Nông dân có thành tích tiêu biểu xuất sắc, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định do Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 19. Thẩm định, xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ)

a) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị tặng, công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền tặng, công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

b) Thẩm định các sáng kiến, thành tích đề nghị xét khen thưởng đảm bảo đạt các tiêu chí về sáng kiến quy định tại Điều 13 Quy định này.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, doanh nghiệp tham mưu Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã và tương đương khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; “Tập thể lao động xuất sắc”; “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”.

b) Trình Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và xét, trình Chủ tịch nước quyết định khen thưởng theo thẩm quyền.

2. Thẩm quyền của Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã và tương đương (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh).

a) Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”; “Tập thể Lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và “Giấy khen”.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

3. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

a) Tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến” và “Giấy khen”.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

4. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và “Giấy khen”.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị cấp có thẩm quyền tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

5. Thủ trưởng các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các cơ quan chuyên trách Đảng ở cấp tỉnh xem xét, quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” và “Giấy khen” cho cán bộ, công chức, nhân viên và người lao động thuộc quyền quản lý của mình.

Điều 21. Thời gian trình hồ sơ xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Khen thưởng cấp Nhà nước

a) Hồ sơ đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Chính phủ” cho các đơn vị thuộc tỉnh: Cụm trưởng các Cụm thi đua gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 15/02 hằng năm. Riêng khối Giáo dục và Đào tạo chậm nhất ngày 31/8 hằng năm.

b) Hồ sơ đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Chính phủ” cho Cụm xã, phường, thị trấn: Hồ sơ gửi đến Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 15/02 hằng năm.

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương (các hạng), “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” đối với các tập thể, cá nhân theo công trạng và thành tích đạt được: Hồ sơ gửi đến Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 30/3 hằng năm. Riêng đối với khối Giáo dục và Đào tạo chậm nhất ngày 31/8 hằng năm.

d) Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”: Gửi Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 15/9 hằng năm.

2. Xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh

a) Hồ sơ đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho đơn vị xuất sắc phong trào thi đua tỉnh và “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các đơn vị thuộc tỉnh: Cụm, Khối trưởng các Cụm, Khối thi đua tỉnh gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 10/01 hằng năm. Đối với ngành giáo dục, đào tạo chậm nhất ngày 31/8 hằng năm.

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết năm của các đơn vị thuộc tỉnh đối với các tập thể, cá nhân trực thuộc: Gửi đến Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 28/02 hằng năm. Đối với ngành giáo dục, đào tạo chậm nhất ngày 15/9 hằng năm.

c) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận sáng kiến cấp tỉnh: Đợt xét khối kinh tế - xã hội (trước ngày 28/02 hằng năm); Đợt xét khối Giáo dục và Đào tạo (trước ngày 31/7 hằng năm).

d) Hồ sơ đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”:

- Đợt xét khối kinh tế - xã hội: Gửi về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 28/02 hằng năm;

- Đợt xét khối Giáo dục và Đào tạo: Gửi về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng):

- + Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” trước ngày 31/8 hằng năm;

- + Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” trước ngày 15/9 hằng năm.

Chương V

TÔN VINH, TỔ CHỨC TRAO THƯỞNG

Điều 22. Bức trưng

1. Nhân dịp kỷ niệm thành lập ngành, huyện, thành phố, thị xã hoặc tổ chức đại hội của các tổ chức chính trị - xã hội đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng Bức trưng (không kèm tiền thưởng).

2. Thời gian gửi văn bản đề nghị: 15 ngày trước ngày tổ chức kỷ niệm, đại hội.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về dòng chữ tại Bức tường đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi tại từng thời gian kỷ niệm, kỳ Đại hội.

Điều 23. Danh hiệu “Doanh nhân Tiền Giang tiêu biểu”, “Doanh nghiệp Tiền Giang tiêu biểu”

1. Danh hiệu “Doanh nhân Tiền Giang tiêu biểu”, “Doanh nghiệp Tiền Giang tiêu biểu” (không kèm tiền thưởng) được xét tặng từ 02 đến 03 năm một lần đối với các doanh nhân, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có đăng ký kinh doanh hoặc có chi nhánh sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp và Thông tư số 01/2012/TT-BNV ngày 16/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về quy định chi tiết thi hành Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg.

2. Chậm nhất 30 ngày trước ngày tổ chức tôn vinh, Hiệp hội Doanh nghiệp Tiền Giang trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ, Ban Thi đua - Khen thưởng) cho chủ trương đồng ý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp đảm bảo trình tự, thủ tục và các hồ sơ quy định tại Điều 9 Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị tổ chức tôn vinh danh hiệu “Doanh nhân Tiền Giang tiêu biểu”, “Doanh nghiệp Tiền Giang tiêu biểu”.

4. Hội đồng Xét duyệt Doanh nhân Tiền Giang tiêu biểu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, lựa chọn doanh nghiệp, doanh nhân thuộc các thành phần kinh tế có đăng ký kinh doanh hoặc có chi nhánh sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, có thành tích xuất sắc trong xây dựng, phát triển doanh nghiệp, nâng cao đời sống cho người lao động, tích cực đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tôn vinh, khen thưởng và trình cơ quan có thẩm quyền tôn vinh, khen thưởng các danh hiệu theo Quy chế quản lý, tổ chức xét, tôn vinh danh hiệu và trao thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn cụ thể các tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và mục tiêu tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các tiêu chí được Chính phủ quy định và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

Điều 24. Tổ chức trao thưởng, trao tặng

1. Tổ chức trao thưởng, trao tặng

a) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen cấp Nhà nước: Khi có quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ thì các sở, ban,

ngành, đoàn thể, địa phương có tập thể, cá nhân được khen thưởng phối hợp với Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để có hướng dẫn, kế hoạch tổ chức trao tặng.

b) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp tỉnh: Cơ quan, đơn vị có kế hoạch tổ chức trao trong hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề hoặc tổng kết năm.

c) Đối với các trường hợp khen thưởng đột xuất, khen thưởng cấp Nhà nước, giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng trực tiếp.

d) Mỗi trường hợp được khen thưởng chỉ trao tặng và đón nhận một lần ở một cấp mà xét thấy có tác dụng giáo dục, nêu gương tốt nhất.

2. Nghi thức trao tặng và tổ chức đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo Điều 44 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Buổi lễ phải được tổ chức trang trọng, thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

Chương VI

QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TỈNH

Điều 25. Nguyên tắc quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo hình thức khen thưởng, từ quỹ thi đua, khen thưởng do cơ quan, đơn vị mình quản lý.

2. Đối với các tập thể, cá nhân được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng theo tuyến trình của Ủy ban nhân dân tỉnh thì chi từ nguồn quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

3. Đối với các tập thể, cá nhân được Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định khen thưởng: Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

4. Khen thưởng các chương trình mục tiêu quốc gia được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh (sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh).

5. Quỹ thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch, hàng năm phải báo cáo quyết toán tình hình sử dụng quỹ theo quy định hiện hành.

Điều 26. Lập, quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 27. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nội dung chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Thực hiện trích 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, cụ thể:

a) Chi tổ chức phát động các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, thi đua chuyên đề trong phạm vi ngành, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối.

b) Chi tham gia, tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ, hội thi về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến, lấy ý kiến nhân dân đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng cấp nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng.

c) Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; xây dựng quy định, chính sách về thi đua, khen thưởng;

d) Chi tổ chức, tham gia hội nghị ký kết giao ước thi đua, hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, biểu dương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua yêu nước.

đ) Chi công tác thanh, kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo về chính sách khen thưởng ở ngành, địa phương, đơn vị cơ sở.

e) Chi đi học tập kinh nghiệm các điển hình tiên tiến, nhân tố mới trong tỉnh và các tỉnh trong cả nước.

g) Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo, phong trào thi đua, công tác khen thưởng.

Điều 28. Hội đồng thi đua - khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thành lập theo Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; có quy chế hoạt động do Chủ tịch Hội đồng quyết định ban hành.

3. Hợp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

a) Tổ chức họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nêu tại khoản 1 Điều này (trừ danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”). Đối với danh hiệu thi đua: “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và hình thức khen thưởng: “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thảo luận, cho ý kiến và bỏ phiếu đạt 90% trở lên tính trên tổng số các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản);

b) Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức họp Hội đồng. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chủ trì hoặc ủy quyền cho một Phó Chủ tịch chủ trì. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện bỏ phiếu như các thành viên khác.

c) Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xin ý kiến các thành viên vắng mặt bằng văn bản, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; hoàn thiện biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Xử lý vi phạm, khiếu nại, tố cáo

Thực hiện theo quy định tại Điều 96, Điều 97, Điều 98 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 78, Điều 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ Quy định này, cụ thể hóa thành quy định của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn để đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện công tác khen thưởng đúng chính sách pháp luật, góp phần khích lệ, động viên, giáo dục, nêu gương nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao.

2. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và Quy định này để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức xây dựng phong trào thi đua, phát hiện và bồi dưỡng điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị.

3. Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện Quy định này.

4. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy định này được thay đổi thì thực hiện theo quy định mới.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi phản ánh về Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.